

Cập nhật chính sách Thuế năm 2020

**Nguyễn Thị Cúc
Chủ tịch Hội Tư Vấn Thuế Việt Nam
Trọng tài viên VIAC**

**Nguyên Phó Tổng cục trưởng Tổng cục thuế
Hà nội, ngày 16/12/2020**

Web: www.vtca.vn Email: Hoituvanthuevietnam@gmail.com

Bài giảng gồm các nội dung

- Nội dung mới của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019, áp dụng từ 1.7.2020
- Nội dung mới của các Nghị định:
- NĐ số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định về hóa đơn, chứng từ.
- NĐ số 125/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 Quy định về Xử phạt vi phạm hành chính về Thuế, Hóa đơn; hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 12 năm 2020.
- NĐ Số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 12 năm 2020.

Sự cần thiết phải ban hành Luật quản lý

- Luật QLT 38 được QH qua ngày 29/11/2006, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2007, Từ đó đến nay Luật đã được sửa đổi, bổ sung ba lần tại: Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012, có hiệu lực từ ngày 01/7/2013; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 và Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016, có hiệu lực từ ngày 01/7/2016.
- **Sau hơn 10 năm thực hiện, Luật quản lý thuế đã đạt được kết quả :**
- Luật QLT là cơ sở để thực hiện cải cách thủ tục HC trong công tác quản lý thuế. Với các giải pháp đồng bộ cả về chính sách lẫn ứng dụng CNTT, Giảm số giờ Nộp thuế của Việt Nam , mang lại hiệu ứng tích cực cho nền kinh tế, góp phần giảm thời gian và chi phí thủ tục, tăng sức cạnh tranh cho DN, cải thiện MTKD , thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.
- Cơ sở đối tượng nộp thuế đã được mở rộng, hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN được cấp có thẩm quyền quyết định. Số thu NSNN cán mốc 1 triệu tỷ đồng. Số lượng NNT tăng nhanh qua các năm

Sự cần thiết phải ban hành Luật quản lý

- Tạo bước tiến quan trọng, sự đồng bộ nâng cao tính minh bạch đồng thời tăng cường vai trò kiểm tra, thanh tra, giám sát của cơ quan quản lý thuế, giám sát của xã hội trong công tác quản lý thuế, tạo mọi thuận lợi cho NNT tuân thủ quy định pháp luật về thuế, mặt khác tăng cường công tác cưỡng chế thuế, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thuế.
- Là cơ sở để CQQLT phát triển quan hệ HTQT trong lĩnh vực QLT Tổng cục HQ đã là thành viên của tổ chức HQ thế giới, có quan hệ hợp tác với 182 cơ quan HQ các nước thành viên; cơ quan thuế đã tham mưu đàm phán, ký kết Hiệp định tránh đánh thuế 2 lần với 80 nước và vùng lãnh thổ. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực QLT đã tạo điều kiện thúc đẩy thương mại, đầu tư giữa VN với cộng đồng quốc tế trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng.
- Góp phần thúc đẩy công tác hạch toán, kê toán thống kê và báo cáo tài chính của các DN và các CSSXKD, từ đó góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường có sự quản lý của NN. \Rightarrow tạo cơ sở pháp lý để ứng dụng CNTT trong công tác QLT như KK, nộp, hoàn thuế ĐT, HDDT, GDDT...

Sự cần thiết phải ban hành Luật quản lý

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nói trên, công tác quản lý thuế còn có những hạn chế bất cập nhất định, cụ thể là:

- Việc bổ sung sửa đổi 3 lần để khắc phục những hạn chế và để đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Tuy nhiên, việc thường xuyên bổ sung, sửa đổi đã ảnh hưởng đến công tác QL thuế, một số văn bản luật (như Luật thuế SDĐ phi NN, Luật thuế BVMT...) có nội dung quy định về QLT nhưng chưa được SĐBS trong Luật quản lý thuế. => thiếu thống nhất trong các văn bản quy định pháp luật.
- Phạm vi điều chỉnh của Luật QLT bao gồm việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác NSNN do cơ quan quản lý thuế thu. Các khoản thu khác của NSNN không do cơ quan quản lý thuế thu theo quy định ở các văn bản pháp luật khác nhau, từ đó phạm vi điều chỉnh của luật chưa được đầy đủ.HĐSXKD của khu vực kinh tế CT, hộ gia đình hoặc khu vực kinh tế phi chính thức chưa được quy định đầy đủ dẫn đến việc chưa bao quát nguồn thu phục vụ cho việc mở rộng cơ sở thuế.

Sự cần thiết phải ban hành Luật quản lý

- Việc ứng dụng CNTT trong các cơ quan QLT đã được đẩy mạnh và phát huy được kết quả quan trọng, tuy nhiên cũng có nhiều nội dung liên quan đến công tác QLT như cơ sở dữ liệu TM , GDĐT... cũng chưa được quy định một cách toàn diện. => công tác QLT chưa theo kịp thực tiễn phát triển giao dịch TMHH và dịch vụ toàn cầu, chưa hỗ trợ tốt cho mục tiêu hiện đại hóa cơ quan QLT .
- Một số quy định về nguyên tắc QLT, quyền và nghĩa vụ của NNT, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan QLT chưa được quy định một cách đầy đủ; các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhất là cấp bộ, ngành, địa phương chưa được xác định rõ, vì vậy sự phối hợp giữa các cơ quan còn chặt chẽ, quan hệ giữa NNT và CQT chưa thực sự cân bằng, **còn nghiêng về nhiệm vụ, quyền hạn của CQT hơn là quyền và nghĩa vụ của NNT.**

Sự cần thiết phải ban hành Luật quản lý

- Các quy định về chức năng QLT từ khâu ĐK,KK, tính thuế, ấn định thuế, nộp thuế, xử lý tiền chậm nộp, nợ đọng thuế còn chưa rõ ràng. Nhất là thủ tục hành chính, điều này cũng mang lại rủi ro tiềm ẩn trong việc thất thu về thuế cũng như các hiện tượng tiêu cực xảy ra trong công tác quản lý thuế.
- Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, các hoạt động TM, đầu tư quốc tế ngày càng có vai trò quan trọng, nhất là hoạt động của các công ty đa quốc gia. Cùng với chính sách ưu đãi về thuế để thu hút đầu tư đã nảy sinh rủi ro về xói mòn cơ sở thuế và chuyển LN . Hội nhập quốc tế đòi hỏi phải bổ sung cơ sở PL, tăng cường HTQT trong lĩnh vực QLT trong đó có chuẩn mực quốc tế mà việt nam chúng ta cần tuân thủ.
- Công tác TR.T- Kiểm tra cần được hoàn thiện cho phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành (như luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo, xử lý VPHC). Các quy định cần rõ về hành vi vi phạm, thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật, mặt khác cần quy định rõ về xử lý nợ đọng thuế. Bên cạnh đó cần nghiên cứu thực hiện nguyên tắc về quản lý rủi ro theo thông lệ quốc tế về quản lý thuế nhằm tạo ra cơ chế rõ ràng, minh bạch.

Sự cần thiết phải ban hành Luật quản lý

- Những hạn chế bất cập về chính sách nói trên, cùng với cơ chế còn nặng về thủ tục hành chính của một bộ phận cán bộ công chức, mặt khác do tính chất phức tạp của kinh tế thị trường, nhạy cảm của công tác QLT đã ảnh hưởng đến việc tuân thủ quy định PL về thuế và QLT. Tình trạng nợ đọng thuế còn cao, chưa được giải quyết một cách dứt điểm.
- Qua đánh giá thực trạng và việc thực thi Luật quản lý thuế và qua nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, cần thiết phải sửa đổi Luật quản lý thuế để áp dụng sớm.
- - Việc sửa đổi Luật quản lý thuế cũng nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập hiện nay về công tác quản lý thuế, rà soát và thống nhất giữa Luật quản lý thuế và các Luật thuế, các văn bản pháp luật có liên quan.

Sự cần thiết phải ban hành Luật quản lý

- - Xuất phát từ yêu cầu của cải cách hành chính, trong đó có cải cách tài chính công, cải cách thủ tục quản lý thuế hướng tới hoạt động quản lý thống nhất, công khai, minh bạch, đơn giản hóa, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra, đồng thời tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế để phòng chống trốn thuế, thất thu và nợ đọng thuế.
- - Việc sửa đổi Luật quản lý thuế nhằm tạo ra môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh, tạo điều kiện phát triển các thành phần kinh tế, trong đó coi trọng phát triển thành phần kinh tế tư nhân, khuyến khích các hộ kinh doanh mở rộng quy mô đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động trong quá trình hình thành các tổ chức hợp tác, hoặc chuyển đổi hoạt động kinh doanh theo mô hình doanh nghiệp, tạo thuận lợi để mở rộng cơ sở nộp thuế.
- - Luật quản lý thuế sửa đổi nhằm tiếp cận tới các chuẩn mực và thông lệ quốc tế để góp phần thu hút đầu tư trong nước, nước ngoài, tạo cơ sở để tham gia đàm phán, ký kết các Hiệp định đa phương, song phương về thuế.
- - Việc sửa đổi Luật quản lý thuế tạo hành lang pháp lý cho việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại cho công tác quản lý thuế, trong đó có việc áp dụng rộng rãi phổ biến quản lý thuế điện tử, giao dịch điện tử trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Sự cần thiết phải ban hành Luật quản lý

- **Mục đích, yêu cầu**
- Việc xây dựng Luật quản lý thuế (sửa đổi) cần đạt được các mục đích, yêu cầu sau:
 - Xây dựng Luật quản lý thuế hoàn chỉnh, toàn diện nhằm tạo cơ sở cho quản lý thuế hiện đại, tiếp cận tới những chuẩn mực, thông lệ quốc tế và phù hợp với điều kiện tình hình thực tế của Việt Nam.
 - Xây dựng Luật quản lý thuế rõ ràng, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế, cho cơ quan quản lý thuế thực hiện nghiêm quyền, nghĩa vụ của người nộp thuế theo quy định pháp luật, tích cực phòng chống tham nhũng, tiêu cực.

I.Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

Điều 5 .Nguyên tắc quản lý thuế

- Cơ quan quản lý thuế, các cơ quan khác của nhà nước được giao nhiệm vụ quản lý thu thực hiện việc quản lý thuế theo quy định của Luật này và các văn bản pháp luật có liên quan bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người nộp thuế.
- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý thuế; áp dụng các nguyên tắc quản lý thuế theo thông lệ quốc tế trong đó có nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế; nguyên tắc quản lý rủi ro và các nguyên tắc khác phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

I.Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

Điều 8. Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế

- NNT, CQ QL thuế, CQQL nhà nước, TC-CN có đủ điều kiện thực hiện GD DT trong lĩnh vực thuế phải thực hiện GDDT với CQ thuế theo quy định của Luật QLT và pháp luật về GDDT
- NNT đã thực hiện GDDT trong lĩnh vực thuế thì không phải thực hiện các phương thức giao dịch khác.
- CQQL thuế khi tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục HC thuế cho NNT bằng phương thức ĐT phải xác nhận việc hoàn thành GDDT của NNT...theo quy định
- CQ, TC đã kết nối TTĐT với CQ thuế phải sử dụng chứng từ điện tử trong giao dịch với CQ thuế; sử dụng CTĐT để giải quyết các thủ tục HC cho NNT, không được yêu cầu người nộp thuế nộp chứng từ giấy.
- CQ Thuế tổ chức cung cấp dịch vụ GDDT trong lĩnh vực thuế, XD, QL, vận hành hệ thống tiếp nhận và xử lý dữ liệu thuế điện tử bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật và liên tục;

I.Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

Điều 9. Quản lý rủi ro trong quản lý thuế

- 1. Cơ quan thuế áp dụng quản lý rủi ro trong đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, nợ thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế, hoàn thuế, kiểm tra thuế, thanh tra thuế, quản lý và sử dụng hóa đơn, chứng từ và các nghiệp vụ khác trong quản lý thuế.
- 2. Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro trong khai thuế, hoàn thuế, không thu thuế, kiểm tra thuế, thanh tra thuế và các nghiệp vụ quản lý thuế khác.
- 3. Áp dụng cơ chế quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ quản lý thuế bao gồm: thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu liên quan đến người nộp thuế; xây dựng tiêu chí quản lý thuế; đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế; phân loại mức độ rủi ro và tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý thuế phù hợp.
- 4. Đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và phân loại mức độ rủi ro trong quản lý thuế

I. Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

Điều 15 BS **Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các Bộ, ngành trong việc QLT.**

- **Bộ Công Thương :** Chỉ đạo, hướng dẫn các CQ chức năng trong việc kết nối, cung cấp TT liên quan để phối hợp với Bộ TC trong QL thuế đối với các TC-CN hoạt động TMĐT; nhượng quyền TM và các hoạt động liên quan;
- **Bộ Thông tin và Truyền thông :** Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan chức năng phối hợp với cơ quan QL thuế để QL thuế đối với hoạt động cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, trò chơi ĐT trên mạng;
- **NHNN Việt Nam :** Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức TD trong việc kết nối, cung cấp thông tin với cơ quan QL thuế liên quan đến giao dịch qua NH của các TC-CN và phối hợp với cơ quan quản lý thuế thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo quy định ; Thiết lập cơ chế QL, giám sát các giao dịch TT hỗ trợ QL thuế đối với hoạt động cung cấp DV xuyên biên giới trong TMĐT.

I. Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

Điều 16: BS Quyền của người nộp thuế

- Yêu cầu cơ quan quản lý thuế giải thích về việc tính thuế, án định thuế; yêu cầu cơ quan, tổ chức giám định số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.
- Hướng các ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế; **được biết thời hạn giải quyết hoàn thuế, số thuế không được hoàn và căn cứ pháp lý đối với số thuế không được hoàn.**
- Ký hợp đồng với tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế, đại lý làm thủ tục hải quan để thực hiện dịch vụ đại lý thuế, đại lý làm thủ tục hải quan.
- Được nhận quyết định xử lý về thuế, biên bản kiểm tra thuế, thanh tra thuế, **được yêu cầu giải thích nội dung quyết định xử lý về thuế; được bảo lưu ý kiến trong biên bản kiểm tra thuế, thanh tra thuế; được nhận văn bản kết luận kiểm tra thuế, thanh tra thuế, quyết định xử lý về thuế sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý thuế.**

I.Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

- Được bồi thường thiệt hại do cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế gây ra theo quy định của pháp luật.
- Yêu cầu cơ quan quản lý thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình.
- Khiếu nại, khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình.
- *Không bị xử lý vi phạm về thuế, không tính tiền chậm nộp đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.*
- Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của công chức quản lý thuế và tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật về tố cáo.
- Được tra cứu, xem, in toàn bộ chứng từ điện tử mà mình đã gửi đến Cổng thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế theo quy định của Luật này và của pháp luật về giao dịch điện tử.

I. Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

Đ21, 22: Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của KTTNN, TTNN

2. Đối với kiến nghị của CQ KTNN liên quan đến nghĩa vụ thuế

a) Trường hợp cơ quan KTNN trực tiếp kiểm toán NNT có nội dung về nghĩa vụ nộp NSNN thì CQ KTNN phải gửi biên bản hoặc báo cáo KT cho NNT, NNT thực hiện kiến nghị theo báo cáo KT của cơ quan KTNN. Nếu NNT không đồng ý với cơ quan KTNN thì khiếu nại kiến nghị lên CQKTTNN

b) Trường hợp cơ quan KTNN không trực tiếp KT đối với NNT mà thực hiện KT tại CQ QL thuế thì cơ quan KTNN gửi bản trích sao có kiến nghị LQ đến nghĩa vụ thuế cho NNT thực hiện. CQQL thuế có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiến nghị của KTNN. Nếu NNT chưa đồng ý thì có văn bản đề nghị CQQL thuế, KTNN xem xét. Căn cứ đề nghị của NNT, KTNN chủ trì, phối hợp với CQ thuế thực hiện việc xác định chính xác nghĩa vụ thuế của NNT và chịu trách nhiệm theo quy định của PL.

I. Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại

1. NHTM có trách nhiệm sau đây:

- a) Phối hợp với CQ thuế, KBNN trong việc thực hiện nộp thuế, hoàn thuế ĐT cho NNT; xử lý, đối soát DL về nộp thuế, hoàn thuế ĐT;
- b) Truyền, nhận thông tin chứng từ nộp thuế ĐT, chuyển tiền thanh toán các khoản thu NSNN cho KB NN..
- c) Hỗ trợ NNT trong quá trình thực hiện nộp thuế điện tử;
- d) Bảo mật thông tin của NNT, người khai HQ theo quy định củaPL.

2. Cung cấp thông tin về số hiệu TK theo MST của NNT khi mở TK

3. KT, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định pháp luật về thuế của TC-CN ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam....

I. Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

Điều 30. Đối tượng ĐK thuế và cấp MST Cụ thể và chi tiết hơn.

Việc cấp mã số thuế được quy định như sau:

- a) DN- TCKT.. được cấp 01 MST duy nhất để sử dụng trong suốt QTHĐ .NNT có CN, VP đại diện, đơn vị PT trực tiếp thực hiện nghĩa vụ thuế thì được cấp MST phụ thuộc. Trường hợp thực hiện ĐK thuế theo cơ chế một cửa liên thông cùng với đăng ký DN, ĐKHTX, đăng ký KD thì MS ghi trên giấy chứng nhận đăng ký đồng thời là MST;
- b) Cá nhân được cấp 01 MST duy nhất để sử dụng trong suốt cuộc đời của CN đó. Người PT của CN được cấp MST để GTGC cho NNTTCN. MST cấp cho người PT đồng thời là MST của CN khi người phụ thuộc phát sinh nghĩa vụ với NSNN;
- c) MST đã cấp không được sử dụng lại để cấp cho NNT khác;
- d) MST của DN-TCKT sau khi chuyển đổi loại hình, bán, tặng, cho, thừa kế được giữ nguyên;

I.Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

- **Điều 44. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế**
- Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế có kỳ tính thuế theo năm được quy định như sau:
 - a) Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ quyết toán thuế năm;
 - b) Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch đối với hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân trực tiếp quyết toán thuế;

I. Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

- **Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế**
- 1. NNT phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho CQ thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra.
- 2. Khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã công bố quyết định thanh tra, kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế thì người nộp thuế vẫn được khai bổ sung hồ sơ khai thuế; cơ quan thuế thực hiện xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi quy định tại Điều 142 và Điều 143 của Luật này

I. Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

- **Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế**
- 3. Sau khi CQ thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau thanh tra, KT tại trụ sở của NNN thì việc khai BS hồ sơ khai thuế được quy định như sau:
 - a) NNT được khai bổ sung hồ sơ khai thuế đối với trường hợp làm tăng số tiền thuế phải nộp, giảm số tiền thuế được khấu trừ hoặc giảm số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn và bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế đối với hành vi quy định tại Điều 142 và Điều 143 của Luật này;
 - b) Trường hợp NNT phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót nếu khai bổ sung làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được KT, tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn thì thực hiện theo quy định về giải quyết khiếu nại về thuế.

I.Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

- **Điều 57. Thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt**
- 2. Thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được quy định như sau:
 - a) Tiền nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp quá hạn thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế;
 - b) Tiền nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp quá hạn chưa thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế;
 - c) Tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp phát sinh
- **Hiện hành:** 1.Tiền thuế nợ. 2.tiền thuế truy thu. 3.Tiền chậm nộp. 4.Tiền thuế PS. 5.Tiền phạt

I.Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/ QH 14

Điều 60. Xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa

- 1. NNT có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp thì được bù trừ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ hoặc trừ vào số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp của lần nộp thuế tiếp theo hoặc được hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa khi người nộp thuế không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt.
- Trường hợp NNT đề nghị bù trừ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ thì không tính tiền chậm nộp tương ứng với khoản tiền bù trừ trong khoảng thời gian từ ngày phát sinh khoản nộp thừa đến ngày cơ quan quản lý thuế thực hiện bù trừ.
- 2. Trường hợp người nộp thuế yêu cầu hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa thì cơ quan quản lý thuế phải ra quyết định hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do không hoàn trả trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.

I. Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

- **Điều 72. Tiếp nhận và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế**
- 3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế thực hiện phân loại hồ sơ và thông báo cho người nộp thuế về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế hoặc thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế trong trường hợp hồ sơ không đầy đủ.
- **Điều 74. Địa điểm kiểm tra hồ sơ hoàn thuế**
- 1. Hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước được thực hiện kiểm tra tại trụ sở của cơ quan quản lý thuế.
- 2. Hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế được thực hiện kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế hoặc trụ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

I. Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

Điều 75. Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế

- 3. Quá thời hạn hoàn thuế theo quy định: 06 ngày nếu hoàn thuế trước, 40 ngày nếu hoàn thuế sau , nếu việc chậm ban hành quyết định hoàn thuế do lỗi của cơ quan quản lý thuế thì ngoài số tiền thuế phải hoàn, **cơ quan quản lý thuế còn phải trả tiền lãi 0,03%/ngày tính theo số ngày chậm hoàn trả từ nguồn ngân sách trung ương.**
- **Điều 77. Thanh tra, kiểm tra sau hoàn thuế**
- 1. Cơ quan quản lý thuế thực hiện thanh tra, kiểm tra đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước theo nguyên tắc rủi ro trong quản lý thuế và trong **thời hạn 05 năm** kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế.

I.Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

- **Điều 79. Miễn thuế, giảm thuế**
- **Miễn thuế** đối với các trường hợp sau đây:
 - a) Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp có số thuế phải nộp hằng năm từ 50.000 đồng trở xuống;
 - b) Cá nhân có số thuế phát sinh phải nộp hằng năm sau quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công từ 50.000 đồng trở xuống.

I. Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14

Điều 83. Các trường hợp được khoanh tiền thuế

- NNT có quyết định giải thể gửi cơ quan quản lý thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh để làm thủ tục giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thông báo người nộp thuế đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống thông tin quốc gia về ĐKKD nhưng NNT chưa hoàn thành thủ tục giải thể.
- NNT đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hoặc bị người có quyền, nghĩa vụ liên quan nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
- NNT không còn HĐKD tại địa chỉ KD đã đăng ký với cơ quan ĐKKD, CQ thuế đã phối hợp với UBND cấp xã nơi có trụ sở KD, địa chỉ NNT để kiểm tra, xác minh thông tin NNT không hiện diện tại địa bàn và thông báo trên toàn quốc NNT hoặc đại diện PL không hiện diện tại địa chỉ đã đăng ký .
- NNT đã bị CQ thuế có văn bản đề nghị CQ có thẩm quyền thu hồi hoặc đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; giấy phép thành lập và hoạt động.

I. Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

Điều 85: Trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt

- Các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của NNT không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này mà CQ thuế đã áp dụng biện pháp cưỡng chế quy định và các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt này đã quá 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế nhưng không có khả năng thu hồi.
- NNT là CN, CNKD, chủ hộ KD chủ DNTN và công ty TNHH 1 thành viên đã được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt quy định tại khoản này trước khi quay lại SXKD hoặc thành lập cơ sở SXKD mới thì phải hoàn trả cho NN khoản nợ tiền thuế, tiền phạt.. đã được xoá.
- Tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với các TH bị ảnh hưởng do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh.. đã được xem xét miễn tiền chậm nộp theo quy định và đã được gia hạn nộp thuế theo quy định mà vẫn còn thiệt hại, không có khả năng phục hồi được SXKD và không có khả năng nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt.

I.Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14

Điều 89: Hóa đơn điện tử

- 1. HĐĐT là HĐ có mã hoặc không có mã của CQ thuế được thể hiện ở dạng DLĐT do TC-CN bán HH cung cấp DV lập, ghi nhận thông tin bán HH, CCDV theo quy định của PL về kế toán, thuế bằng phương tiện ĐT, bao gồm cả trường hợp HĐđược khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển DLvới CQ thuế.
- 2. HĐ ĐT gồm HĐ GTGT, HĐ bán hàng, tem ĐT vé ĐT, thẻ ĐT, phiếu thu ĐT, phiếu XK kiêm VC ĐT hoặc các chứng từ ĐT khác.
- 3. HĐ ĐT có mã của CQ thuế là HĐ ĐT được CQ thuế cấp mã trước khi TC CN bán HH, cung cấp DV gửi cho người mua.
 - Mã của CQ thuế gồm số giao dịch là một dãy số duy nhất do hệ thống của CQ thuế tạo ra và một chuỗi ký tự được CQ thuế mã hóa dựa trên thông tin của người bán lập trên hóa đơn.
- 4. HĐ ĐT không có mã của CQ thuế là do tổ chức bán HH, cung cấp DV gửi cho người mua không có mã của cơ quan thuế.

I. Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

Điều 101. Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế

1. Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế (sau đây gọi là đại lý thuế) là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, thực hiện các dịch vụ theo thỏa thuận với người nộp thuế.
2. Các doanh nghiệp đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế thực hiện đăng ký với Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để được cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Điều 102. Điều kiện cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế

1. Là doanh nghiệp đã được thành lập theo quy định của pháp luật.
2. Có ít nhất 02 người được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế, làm việc toàn thời gian tại doanh nghiệp.

I.Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

Điều 104. Cung cấp dịch vụ làm thủ tục về thuế

1. Dịch vụ do tổ chức KD DV làm TT về thuế bao gồm:

a) Thủ tục ĐK thuế, khai thuế, nộp thuế, QT thuế, lập hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế và các thủ tục về thuế khác thay NNT;

b) Dịch vụ tư vấn thuế;

2. ĐLT có quyền, nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các dịch vụ với người nộp thuế theo thỏa thuận trong hợp đồng;

b) Tuân thủ Luật này, pháp luật về thuế và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong hoạt động hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước người nộp thuế về nội dung dịch vụ đã cung cấp.

I.Nội dung mới của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH 14

- **Điều 150. Bổ sung một điều vào Luật Kế toán số 88/2015/QH13**
- Bổ sung Điều 70a vào sau Điều 70 của Luật Kế toán như sau:
- “**Điều 70a. Cung cấp dịch vụ kế toán của Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế**
- Tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế được cung cấp dịch vụ kế toán cho doanh nghiệp siêu nhỏ khi có ít nhất một người có chứng chỉ kế toán viên.”
- Ngày 19/10/2020 Chính phủ đã ban hành các NĐ quy định chi tiết thi hành Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14: NĐ số 123/2020/NĐ-CP Quy định về Hóa đơn Chứng từ; Nghị định số 125/2020/NĐ-CP Quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật QLT.

II. Nội dung tóm tắt
Nghị định 123/2020/NĐ-CP
ngày 19/10/2020

Quy định về Hóa đơn Chứng từ
Hiệu lực thi hành từ ngày **01/07/2022**

II.NĐ 123/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- NĐ 123/2020 có sự thay đổi so NĐ 51, sắp xếp lại các đối tượng áp dụng như sau:
 - 1- Tổ chức, cá nhân bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm:
 - a) Doanh nghiệp, chi nhánh, VP đại diện của D.ng NN tại VN;
 - b) HTX, Liên hiệp HTX;
 - c) Hộ, cá nhân kd
 - d) Đvị sự nghiệp công lập có bán HH, cung cấp DV
 - e) TChức ko phải là D.ng nhưng có hoạt động kd

NĐ 123/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- 2- Tổ chức, cá nhân mua hàng hóa dịch vụ.
- 3- Tổ chức thu thuế, thu phí và lệ phí
- 4- Người nộp thuế, phí và lệ phí
- 5- Tổ chức có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN
- 6- Tổ chức nhận in HĐ chứng từ; Tchức cung cấp phần mềm tự in chứng từ; Tchức cung cấp DV HĐ, chứng từ điện tử
- 7- Cq thuế, bao gồm TCT, CT, CCT
- 8- Cq Hải quan bao gồm TCHQ, Cục HQ, Cục KT sau thông quan, CCHQ
- 9- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, sd HĐ CT

NĐ 123/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- NĐ 123/2020 bao gồm các quy định về hóa đơn điện tử tại NĐ 119/2018/NĐ-CP
- Quy định chi tiết các nội dung liên quan đến nội dung HĐ, thời điểm lập HĐ (trước quy định tại Thông tư của BTC)
- Bổ sung một chương riêng **Quy định về chứng từ** (biên lai thu thuế, phí; chứng từ khấu trừ thuế TNCN)
- Bổ sung một chương về XD, tra cứu thông tin HĐ CT (Chương IV)
- Bổ sung quy Định về kết nối thông tin, HĐ ĐT đối với các trường hợp bán lẻ HH, dịch vụ ăn uống....
- Bỏ các nội dung về xử phạt vi phạm hành chính về HĐ CT của NĐ 51/2010 (ban hành NĐ 125/2020 về xử phạt)

NĐ 123/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Không còn bắt buộc sử dụng hóa đơn điện tử từ ngày 01/11/2020.** Cụ thể, NĐ 123/2020 bãi bỏ các khoản 2 và khoản 4 Điều 35 NĐ 119/2018 sau:
“2. Việc tổ chức thực hiện hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo quy định của Nghị định này thực hiện xong đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh chậm nhất là ngày 01 tháng 11 năm 2020.”
- “4. Kể từ ngày 01/11/2020, các Nghị định: số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ hết hiệu lực thi hành.”
- *Theo đó: các DN, TC kinh tế, hộ KD vẫn tiếp tục TB phát hành và sử dụng HD đặt in, tự in, HDĐT có mã/không có mã xác thực của CQ thuế đến hết ngày 30.6.2022*

NĐ 123/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- Như vậy, không còn bắt buộc các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh phải hoàn thành việc tổ chức thực hiện hóa đơn điện tử, hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế từ ngày 01/11/2020.
- Đồng thời các Nghị định 51/2010/NĐ-CP, Nghị định 04/2014/NĐ-CP và Nghị định 119/2018/NĐ-CP tiếp tục có hiệu lực thi hành đến ngày 30/6/2022.
- Khuyến khích cơ quan, tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin áp dụng quy định về hoá đơn, chứng từ điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP trước ngày 01/7/2022.
- Về HĐ: NĐ 123 bổ sung thêm 2 loại HDĐT mới là HĐ bán tài sản công và bán hàng DT quốc gia.
- Về nội dung HĐ: Trường hợp HĐT đã lập có thời điểm ký số trên HĐ khác với thời điểm lập HĐ, thì thời điểm khai thuế là thời điểm lập HĐ

NĐ 123/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- Về thời điểm lập HĐ cho 14 trường hợp cụ thể:
- Đặc biệt với chứng từ: BS CT khấu trừ thuế TNCN, Biên lai thuế, phí, lệ phí theo hình thức điện tử, đặt in hoặc tự in.
- BS Ủy nhiệm lập HDĐT bán HH- DV
- Thời điểm với cơ sở bán lẻ, KD dịch vụ ăn uống theo mô hình hệ thống cửa hàng bán trực tiếp đến người tiêu dùng nhưng việc hạch toán toàn bộ hoạt động KD được thực hiện tại trụ sở chính từng giao dịch bán HH, cung cấp đồ ăn uống có in Phiếu tính tiền cho khách hàng, dữ liệu Phiếu tính tiền có lưu trên hệ thống và khách hàng không có nhu cầu nhận HDDT thì cuối ngày CSKD căn cứ thông tin từ Phiếu tính tiền để tổng hợp lập HDDT cho các giao dịch bán HH, cung cấp đồ ăn uống trong ngày, trường hợp khách hàng yêu cầu lập HDDT thì lập hóa đơn điện tử giao cho khách hàng.

NĐ 123/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- Hiệu lực thi hành
- Trường hợp từ ngày NĐ này được ban hành đến ngày 30.6.2022, CQ thuế thông báo CSKD chuyển đổi để áp dụng HĐĐT theo NĐ này hoặc NĐ số 119/2018/NĐ-CP, nếu CSKD chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng CNTT mà tiếp tục sử dụng HĐ theo các hình thức nếu trên thì thực hiện gửi dữ liệu HĐ đến cơ quan thuế theo Mẫu số 03/DL-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo NĐ này cùng với việc nộp tờ khai thuế GTGT. Cơ quan thuế xây dựng dữ liệu HĐ của các CSKD để đưa vào cơ sở dữ liệu HĐ và đăng tải trên Cổng TTĐT của Tổng cục Thuế phục vụ việc tra cứu dữ liệu HĐ
- **Về sử dụng HĐ đối với CS KD mới thành lập:**
- Đối với những DN mới thành lập từ 19/10/2020 – 30/6/2022 nếu nhận được thông báo áp dụng HĐĐT theo quy định tại NĐ 123 thì DN phải thực hiện theo hướng dẫn của CQ thuế.
- Nếu chưa đáp ứng điều kiện hạ tầng CNTT mà vẫn tiếp tục dùng HĐ theo NĐ 51/2010, NĐ 04/2014 thì đơn vị phải thực hiện gửi dữ liệu đến cơ quan thuế theo mẫu số 03DL-HĐĐT phụ lục IA ban hành kèm theo NĐ 123/2020 cùng với việc nộp tờ khai thuế GTGT

**TT SỐ: 88/2020/TT-BTC ngày 30.10.2020 SĐBS Điều 26 TT số
68/2019/TT-BTC ngày 30.9. 2019 HDNĐ
số 119/2018/NĐ-CP**

- 1. Sửa đổi khoản 2 Điều 26 Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 của Bộ Tài chính như sau:
- “2. Từ ngày TT này có hiệu lực thi hành đến ngày 30.6.2022, các văn bản sau đây vẫn có hiệu lực thi hành:
 - a) TT số 32/2011/TT-BTC ngày 14.03.2011 về khởi tạo, phát hành và sử dụng HDĐT bán HH, cung ứng dịch vụ;
 - b) TT số 191/2010/TT-BTC ngày 01.12.2010 hướng dẫn việc quản lý, sử dụng hóa đơn vận tải;
 - c) TT số 39/2014/TT-BTC ngày 31.3.2014 (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25.8.2014, TT số 26/2015/TT-BTC ngày 27. 02.2015 của Bộ Tài chính);

**TT SỐ: 88/2020/TT-BTC ngày 30.10. 2020 SĐBS Điều 26 TT số
68/2019/TT-BTC ngày 30.9. 2019 HND
số 119/2018/NĐ-CP**

- d) QĐ 1209/QĐ-BTC ngày 23.6.2015 của Bộ trưởng Bộ TC về việc thí điểm sử dụng HDĐT có mã xác thực của cơ quan thuế, QĐ số 526/QĐ-BTC ngày 16.4.2018 về việc mở rộng phạm vi thí điểm sử dụng HDDT có mã xác thực của cơ quan thuế;
- d) QĐ số 2660/QĐ-BTC ngày 14.12.2016 của BT Bộ TC VV gia hạn thực hiện QĐ số 1209/QĐ-BTC ngày 23.6.2015;
- c) Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Bộ TC SĐBS TT số 39/2014/TT-BTC ngày 31. 3.2014 của Bộ TC (được SĐBS bởi TT số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, TT số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính)".
- 2.Bãi bỏ khoản 3, khoản 4 Điều 26 TT số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 của Bộ Tài chính: bãi quy định bắt buộc SDHDDT từ 1.11.2020 và hiệu lực của các VB trên.

III.NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

**Quy định về Xử phạt vi phạm hành
chính về Thuế, Hóa đơn**

Hiệu lực thi hành từ ngày 05/12/2020

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- NĐ này quy định về hành vi vi phạm HC, hình thức xử lý, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt, thẩm quyền lập biên bản vi phạm HC và một số thủ tục xử phạt vi phạm HC về Thuế, Hóa đơn.
- Không áp dụng đối với vi phạm HC về phí, lệ phí; vi phạm HC về thuế dv HH XK, NK do HQ quản lý thu.
- Và ko áp dụng với vi phạm quy định về thủ tục ĐK thuế, vi phạm quy định về thông báo tạm ngừng HĐKD, thông báo tiếp tục hoạt động kinh doanh trước thời hạn với cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã **của các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký thuế cùng với đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, đăng ký kinh doanh.**

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- Vi phạm hành chính về thuế:**

Là hành vi có lỗi do Tchức, cá nhân thực hiện vi phạm quy định của PL về QLT, PL thuế và các khoản thu khác

mà không phải là tội phạm và theo quy định của PL phải bị xử phạt vi phạm hành chính

- Vi phạm hành chính về HĐ** là hành vi có lỗi do TC-CN thực hiện vi phạm quy định của pháp luật về HĐ mà không phải là tội phạm và theo quy định của PL phải bị xử phạt vi phạm HC.

- Số tiền thuế trốn** là số tiền thuế phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế mà NNT bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện và xác định trong biên bản vi phạm hành chính, biên bản thanh tra (kiểm tra) thuế.

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- Đối tượng bị xử phạt vi phạm HC về thuế, HĐ**

- a) NNT có hành vi vi phạm hành chính về thuế, HĐ.
- Trường hợp NNT ủy quyền cho TC-CN khác thực hiện các nghĩa vụ về thuế, trách nhiệm của bên được ủy quyền phải thực hiện thay NNT thì nếu bên được ủy quyền có hành vi vi phạm hành chính thì TC-CN được ủy quyền bị xử phạt theo .
- Trường hợp theo quy định của PL về thuế và QL thuế, TC-CN có nghĩa vụ đăng ký thuế, khai, nộp thuế thay NNT mà TC-CN này có hành vi thi tổ chức, cá nhân khai, nộp thuế thay bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế theo quy định tại .

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Đ4.1. Hành vi sử dụng HĐ-CT không hợp pháp:**
 - HĐ-CT chưa có giá trị sử dụng, hết giá trị sử dụng;
 - HĐ bị ngừng sử dụng trong thời gian bị cưỡng chế bằng biện pháp ngừng sử dụng hóa đơn,
 - ĐHĐT không đăng ký sử dụng với cơ quan thuế;
 - ĐHĐT chưa có mã của cơ quan thuế;
 - ĐH mua HHDV có ngày lập trên HĐ từ ngày cơ quan thuế xác định bên bán không hoạt động tại địa chỉ KD đã đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - g) HĐ-CT mua HHDV có ngày lập trên HĐ-CT trước ngày xác định bên lập HĐ-CT hoạt động tại địa chỉ KD đã ĐKhoặc chưa có TB của CQ thuế về việc bên lập HĐ-CT không hoạt động tại địa chỉ đã ĐK, nhưng CQ thuế hoặc CQ công an ...đã có kết luận đó là HĐ, chứng từ không hợp pháp

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

2 .Hành vi sử dụng không hợp pháp HĐ-CT

- HĐ-CT khống (HĐ-CT ghi các chỉ tiêu, nội dung nghiệp vụ kinh tế nhưng việc mua bán HHDV không có thật một phần hoặc toàn bộ); HĐ phản ánh không đúng GT thực tế phát sinh hoặc lập HĐ khống, giả;
- HĐ có sự chênh lệch về giá trị HHDV hoặc sai lệch các tiêu thức bắt buộc giữa các liên của HĐ;
- HĐ để quay vòng khi vận chuyển HH trong khâu lưu thông hoặc dùng HĐ của hàng hóa, dịch vụ khác;
- HĐ-CT của TC-CN khác để hợp thức hóa
- HĐ-CT mà cơ quan thuế hoặc cơ quan công an hoặc các cơ quan chức năng khác đã kết luận là sử dụng không hợp pháp hóa đơn, chứng từ.

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- Điều 5. Nguyên tắc xử phạt VPHC về thuế, HĐ
- -TCCN thực hiện nhiều hành vi VPHC thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm, trừ các trường hợp sau:
 - a) Cùng một thời điểm NNT khai sai 1 hoặc nhiều chỉ tiêu trên các hồ sơ thuế của cùng một sắc thuế thì hành vi khai sai thuộc xử phạt về thủ tục thuế chỉ bị xử phạt về một HV khai sai chỉ tiêu trên hồ sơ thuế với khung phạt tiền cao nhất và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần;
 - b) Cùng một thời điểm NNT chậm nộp nhiều hồ sơ khai thuế của nhiều kỳ tính thuế nhưng cùng một sắc thuế thì chỉ bị xử phạt về một hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế có khung phạt tiền cao nhất và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần.

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- c) Trường hợp cùng một thời điểm NNT chậm nộp nhiều thông báo, báo cáo cùng loại về hóa đơn thì người nộp thuế bị xử phạt về một hành vi chậm nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn có khung phạt tiền cao nhất trong số các hành vi đã thực hiện quy định tại Nghị định này và áp dụng tình tiết tăng nặng vi phạm nhiều lần;
- d) Hành vi vi phạm về sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn thuộc trường hợp bị xử phạt theo Điều 16, Điều 17 Nghị định này thì không bị xử phạt theo Điều 28 Nghị định này.
- Trường hợp trong số hồ sơ khai thuế chậm nộp có hồ sơ khai thuế chậm nộp thuộc trường hợp trốn thuế thì tách riêng để xử phạt về hành vi trốn thuế;

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Điều 6, Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trong lĩnh vực thuế, hóa đơn**
- 1. Tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
- 2. Vi phạm hành chính với số tiền thuế (số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn hoặc số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn cao hơn) từ 100.000.000 đồng trở lên hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ từ 500.000.000 đồng trở lên được xác định là vi phạm hành chính về thuế có quy mô lớn theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Vi phạm hành chính từ 10 số hóa đơn trở lên được xác định là vi phạm hành chính về hóa đơn có quy mô lớn theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 10 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

Đ7. Hình thức Phạt tiền

- Phạt tiền tối đa không quá 100.tr đối với tổ chức và không quá 50.000.000 đồng đối với CN thực hiện hành vi VPHC về HĐ.
- Phạt tiền tối đa không quá 200.tr đối với TC và không quá 100.000.000 đồng đối với NNT là CN thực hiện đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế.
- Phạt 20% số tiền thuế thiếu hoặc số tiền thuế đã được miễn, giảm, hoàn cao hơn quy định đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn.
- Phạt từ 1 đến 3 lần số tiền thuế trốn đối với hành vi trốn thuế.

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Điều 8. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về thuế,HĐ; thời hạn được coi là chưa bị xử phạt; thời hạn truy thu thuế**
- Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về hóa đơn là 01 năm
- Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế là 02 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm.
- Thời hiệu xử phạt đối với hành vi trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn là 05 năm.
- Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt VPHC về thuế, hóa đơn
- TC-CN bị xử phạt VPHC về thuế, HĐ nếu trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày chấp hành xong QĐ xử phạt cảnh cáo hoặc 01 năm kể từ ngày chấp hành xong QĐ xử phạt HC khác hoặc kể từ ngày hết thời hiệu thi hành QĐ xử phạt mà không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt VPHC về hành vi đó.

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- .Thời hạn truy thu thuế
- a) Quá thời hiệu xử phạt VPHC về thuế thì NNT không bị xử phạt nhưng vẫn phải nộp đủ tiền thuế truy thu (số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, tiền chậm nộp tiền thuế..) vào NSNN trong thời hạn 10 ngày trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm. Trường hợp NNT không ĐK thuế thì phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế trốn, tiền chậm nộp tiền thuế cho toàn bộ thời gian trót về trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm.
- b) Thời hạn truy thu thuế tại điểm a khoản này chỉ áp dụng đối với các khoản thuế theo pháp luật về thuế và khoản thu khác do TCCN tự khai, tự nộp vào NSNN.
- Đối với các khoản thu từ đất đai hoặc khoản thu khác thì cơ quan có thẩm quyền xác định thời hạn truy thu theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan nhưng không ít hơn thời hạn truy thu theo quy định tại điểm a khoản này.

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Điều 10. Xử phạt hành vi vi phạm về thời hạn đăng ký thuế; thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh; thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn**
- 1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi đăng ký thuế; thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh; thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 10 ngày và có tình tiết giảm nhẹ.
- 2. Phạt tiền từ 1.tr đồng đến 10.tr đ tùy vào các hành vi: đăng ký thuế; thông báo tạm ngừng hoạt động kinh doanh; thông báo tiếp tục kinh doanh trước thời hạn

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Điều 11. Xử phạt hành vi vi phạm về thời hạn thông báo thay đổi thông tin trong đăng ký thuế**
- 1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:
- a) TB thay đổi nội dung ĐK thuế quá thời hạn quy định từ 01 đến 30 ngày nhưng không làm thay đổi giấy CN đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế mà có tình tiết giảm nhẹ;
- b) TB thay đổi nội dung ĐK thuế quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 10 ngày làm thay đổi giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc thông báo mã số thuế mà có tình tiết giảm nhẹ.
- 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 7 tr đồng tùy theo thời hạn

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- Điều 12. Xử phạt hành vi khai sai, khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế không dẫn đến thiếu số tiền thuế phai nộp hoặc không dẫn đến tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn**
- 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 8 tr đồng đối với mức độ vi phạm của từng hành vi khai sai, khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế không dẫn đến thiếu số tiền thuế phai nộp hoặc không dẫn đến tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Điều 13. Xử phạt hành vi vi phạm về thời hạn nộp hồ sơ khai thuế**
 - 1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp hồ sơ khai thuế quá thời hạn từ 01 ngày đến 05 ngày và có tình tiết giảm nhẹ.
 - 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 25tr tùy thuộc vào mức độ của hành vi vi phạm.
- **Điều 14. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cung cấp thông tin liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế**
 - 1. Phạt tiền từ 2.tr đồng đến 5.tr đồng tùy thuộc vào mức độ của hành vi vi phạm.

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Điều 15. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chấp hành quyết định kiểm tra, thanh tra thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế**
- 1. Phạt tiền từ 2.tr đồng đến 10 tr đồngđồng tùy thuộc vào mức độ của hành vi vi phạm.
- **Điều 16. Xử phạt hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn**
- Phạt 20% số tiền thuế khai thiếu hoặc số tiền thuế đã được miễn, giảm, hoàn cao hơn so với quy định

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Điều 17. Xử phạt hành vi trốn thuế**
- 1. Phạt tiền 1 đến 3 lần số thuế trốn đối với NNT tùy thuộc vào hành vi vi phạm cụ thể có tính đến yếu tố tăng nặng, giảm nhẹ.
- **Điều 20. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về HĐ đặt in**
- 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 50tr đồng tùy theo hành .
- **Điều 21. Xử phạt hành vi VP quy định về in HĐ đặt in**
- 1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:
 - a) Báo cáo về việc nhận in HĐ quá thời hạn theo quy định từ 01 đến 05 ngày, kể từ ngày hết thời hạn theo quy định;
 - b) Báo cáo về việc nhận in HĐ quá thời hạn theo quy định từ 06 đến 10 ngày và có tình tiết giảm nhẹ.
- 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 50 tr đồng

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Điều 22. Xử phạt hành vi cho, bán hóa đơn**
- 1. Phạt tiền từ 15.tr đồng đến 45.trđồng đối với một trong các hành vi sau đây:
 - a) Cho, bán hóa đơn đặt in chưa phát hành;
 - b) Cho, bán hóa đơn đặt in của khách hàng đặt in hóa đơn cho tổ chức, cá nhân khác.
- 2. Phạt tiền từ 20.tr đồng đến 50.trđồng đối với hành vi cho, bán hóa đơn mua của cơ quan thuế nhưng chưa lập.

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Điều 25. Xử phạt hành vi VP quy định về khai báo mất, cháy, hỏng HĐ trước khi thông báo phát hành hoặc HĐ đã mua của cơ quan thuế nhưng chưa lập**
 - 1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi khai báo mất, cháy, hỏng HĐ quá thời hạn từ 1 đến 5 ngày, và có tình tiết giảm nhẹ.
 - 2. Phạt tiền từ 1tr đồng đến 8tr
- **Điều 26. Xử phạt hành vi làm mất, cháy, hỏng hóa đơn**
 - 1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:
 - a) Làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập (trừ liên giao cho khách hàng) đã kê khai, nộp thuế, có hồ sơ chứng từ chứng minh việc mua bán hàng HHDV và có tình tiết giảm nhẹ;
 - b) Làm mất, cháy, hỏng hóa đơn đã lập sai, đã xóa bỏ và người bán đã lập hóa đơn khác thay thế cho hóa đơn lập sai, xóa bỏ này.
 - 2. Phạt tiền từ 3.tr đồng đến 10 tr đ

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Điều 23. Xử phạt hành vi VP quy định về Phát hành HĐ**
 - 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đến 18 tr đ.
- **Điều 24. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập HĐ**
 - 1. Phạt cảnh cáo đối với một trong các hành vi sau đây:
 - a) Lập HĐ không đúng thời điểm nhưng không dẫn đến chậm thực hiện nghĩa vụ thuế và có tình tiết giảm nhẹ;
 - b) Lập HĐ liên tục từ số nhỏ đến số lớn nhưng khác quyển và sau khi phát hiện ra đã hủy các quyển HĐ có số thứ tự nhỏ hơn;
 - c) Lập sai loại HĐ theo quy định đã giao cho người mua hoặc đã KK thuế, bên bán và bên mua phát hiện việc lập sai loại HĐ và lập lại đúng theo quy định trước khi cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định TTR, KT tại trụ sở NNT và không ảnh hưởng đến việc xác định nghĩa vụ thuế.
 - 2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 20tr đồng

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Điều 27. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hủy, tiêu hủy hóa đơn**
- 1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi hủy, tiêu hủy hóa đơn quá thời hạn từ 01 đến 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn phải hủy, tiêu hủy hóa đơn theo quy định mà có tình tiết giảm nhẹ.
- 2. Phạt tiền từ 2tr đến 8 tr đồng
- **Điều 28. Xử phạt đối với hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn**
- 1. Phạt tiền từ 20tr đến 50tr đồng đối với hành vi sử dụng hóa đơn không hợp pháp, sử dụng không hợp pháp hóa đơn

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Điều 29. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập, gửi thông báo, báo cáo về hóa đơn**
 - 1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi nộp thông báo, báo cáo về hóa đơn quá thời hạn quy định từ 01 ngày đến 05 ngày, kể từ ngày hết thời hạn theo quy định mà có tình tiết giảm nhẹ.
 - 2. Phạt tiền từ 1.tr đến 15 tr đồng
- **Điều 30. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử**
 - 1. Phạt tiền từ 2.tr đến 20 tr đối với hành vi chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử cho cơ quan thuế quá thời hạn từ 01 đến 05 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn theo quy định.

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

- **Điều 31. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ HĐ**
- Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:
 - 1. Cung cấp phần mềm hóa đơn tự in không đảm bảo nguyên tắc hoặc khi in ra không đáp ứng đủ nội dung quy định của pháp luật về hóa đơn.
 - 2. Cung cấp phần mềm hóa đơn điện tử không đảm bảo nguyên tắc theo quy định của pháp luật về hóa đơn.

NĐ 125/2020/NĐ-CP

ngày 19/10/2020

Đ 42. Tiền chậm nộp tiền phạt vi phạm HC về thuế,HĐ

- 1. Tính tiền chậm nộp tiền phạt
- a) Tổ chức, cá nhân chậm nộp tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn thì bị tính tiền chậm nộp tiền phạt theo mức 0,05%/ngày tính trên số tiền phạt chậm nộp.
- b) Số ngày chậm nộp tiền phạt bao gồm cả ngày lễ, ngày nghỉ theo chế độ quy định và được tính từ ngày kế tiếp ngày hết thời hạn nộp tiền phạt đến ngày liền kề trước ngày tổ chức, cá nhân nộp tiền phạt vào ngân sách nhà nước.

II. NĐ số 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- Phạm vi điều chỉnh
- Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật QLT áp dụng đối với việc quản lý các loại thuế, các khoản thu khác thuộc NSNN, **trừ nội dung quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có GDLK, áp dụng HĐ CT, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế và HĐ CT**
- Đối tượng áp dụng: NNT, cơ quan quản lý thuế, công chức thuế, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- **Quản lý thuế đối với NNT trong thời gian tạm ngừng KD**
- Trong thời gian NNT tạm ngừng HĐKD:
 - Không phải nộp hồ sơ khai thuế, trừ trường tạm ngừng KD không trọn tháng, quý, năm dương lịch hoặc năm tài chính thì vẫn phải nộp hồ sơ khai thuế tháng, quý; hồ sơ quyết toán năm.
 - Hộ,CN KD nộp thuế theo phương pháp khoán tạm ngừng HĐKD được cơ quan thuế xác định lại nghĩa vụ thuế khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ TC.
 - NNT không được sử dụng HĐ và không phải nộp báo cáo tình hình sử dụng HĐ. Trường hợp được cơ quan thuế chấp thuận sử dụng HĐ thì phải nộp hồ sơ khai thuế, nộp báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo quy định..
 - NNT thuế tiếp tục HĐKD trở lại đúng thời hạn đã đăng ký thì không phải thông báo với cơ quan nơi đã đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo quy định.

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- **Đăng ký thuế**
- NNT thực hiện thay đổi thông tin đăng ký thuế theo quy định với cơ quan thuế quản lý trực tiếp. NNT là CN khi thay đổi thông tin về giấy CMND , thẻ căn cước công dân, hộ chiếu thì ngày phát sinh thông tin thay đổi là 20 ngày (riêng các huyện miền núi vùng cao, biên giới, hải đảo là 30 ngày) kể từ ngày ghi trên giấy CMND thẻ căn cước công dân, hộ chiếu.
- NNT thực hiện các thủ tục về thuế với CQ thuế quản lý trực tiếp trước khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang địa bàn cấp tỉnh khác cụ thể:
- Nộp đầy đủ hồ sơ khai thuế, báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn còn thiếu theo quy định; Nộp đầy đủ số tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước theo quy định; Đề nghị hoàn trả số tiền thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước nộp thừa ; Được chuyển số tiền thuế GTGT chưa KT hết để bù trừ với số thuế GTGT phát sinh tại CQ thuế nơi chuyển đến; số thuế TNCN, thuế TNDN, lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ đã tạm nộp nhưng chưa đến thời hạn nộp hồ sơ khai QT thuế để bù trừ với số phải nộp theo hồ sơ khai QT thuế.

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- **Khai thuế**
- Người nộp thuế không phải nộp hồ sơ khai thuế trong các trường hợp sau đây:
 - Người nộp thuế chỉ có hoạt động, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với từng loại thuế.
 - Cá nhân có thu nhập được miễn thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân và quy định tại điểm b khoản 2 Điều 79 Luật Quản lý thuế trừ cá nhân nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản; chuyển nhượng bất động sản.
 - Doanh nghiệp chế xuất chỉ có hoạt động xuất khẩu thì không phải nộp hồ sơ khai thuế GTGT.
 - Người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh theo quy định tại Điều 4 NĐ

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

Nộp hồ sơ khai BS cho từng hồ sơ khai thuế có sai, sót:

- Nếu khai BS không làm thay đổi nghĩa vụ thuế thì chỉ phải nộp Bản giải trình khai BS và các tài liệu có liên quan, không phải nộp TKBS.
- Nếu chưa nộp hồ sơ khai QT thuế năm thì khai BS hồ sơ khai thuế của tháng, quý có sai, sót, đồng thời tổng hợp số liệu khai BS vào hồ sơ khai QT thuế năm.
- Nếu đã nộp hồ sơ khai QT thuế năm thì chỉ khai BS hồ sơ khai QT thuế năm; riêng với tờ khai QT thuế TNCN đối với TC-CN trả tù TLTC thì đồng thời phải khai BS tờ khai tháng, quý có sai, sót tương ứng.
- Trường hợp TKBS chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế GTGT còn được KT chuyển kỳ sau thì phải KK vào kỳ tính thuế hiện tại. NNT chỉ được khai BS tăng số thuế GTGT đề nghị hoàn khi chưa nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế tiếp theo và chưa nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- **Hồ sơ khai thuế.**
- Quy định cụ thể, chi tiết các TC-CN thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho NNT phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về khai thuế, nộp thuế cụ thể hơn: TC-CN thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho NNT phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về khai thuế, nộp thuế như quy định đối với NNT tại NĐ này, bao gồm:
 - a. Tổ chức, cá nhân thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho NNT theo quy định của pháp luật về thuế.
 - b.Tổ chức TD hoặc bên thứ ba được tổ chức TD ủy quyền khai thác tài sản bảo đảm thực hiện khai thuế GTGT, TNDN, TNCN đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý thay cho người nộp thuế có tài sản đảm bảo.

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- c) Tổ chức hợp tác kinh doanh với CN thì CN không trực tiếp khai thuế. Tổ chức có trách nhiệm khai thuế GTGT đối với toàn bộ DT của hoạt động hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế và quản lý thuế của tổ chức mà không phân biệt hình thức phân chia kết quả hợp tác KD, đồng thời khai thay và nộp thay thuế TNDN cho CN hợp tác kinh doanh.(ví dụ : Grap sẽ nộp thuế GTGT 10% cho CT và thuế TNCN cho lái xe
- Trường hợp tổ chức hợp tác kinh doanh với CN là hộ kinh doanh, CN kinh doanh theo quy định tại khoản 5 Điều 51 Luật Quản lý thuế, mà CN có ngành nghề đang hoạt động cùng với ngành nghề hợp tác kinh doanh với tổ chức thì tổ chức và cá nhân tự thực hiện khai thuế tương ứng với kết quả thực tế hợp tác kinh doanh theo quy định.

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- d) Tổ chức khai thuế thay và nộp thuế thay cho CN nhận cổ tức bằng CK; CN là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng CK; CN được ghi nhận phần vốn tăng thêm do lợi tức ghi tăng vốn; CN góp vốn bằng BDS, phần vốn góp, CK. Thời điểm khai thuế thay và nộp thuế thay được thực hiện khi CN phát sinh chuyển nhượng CK cùng loại, chuyển nhượng vốn, rút vốn.
- Trường hợp tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay theo quy định khoản này đã giải thể, phá sản mà chưa thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho CN thì CN có trách nhiệm khai thuế, nộp thuế theo quy định.

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- đ) TC chi trả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt DS, khuyến mại, CKTM, CK thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền cho CN là các hộ KD, CNKD nộp thuế theo PP khoán thì TC có trách nhiệm khai thuế thay và nộp thuế thay cho CN
- g) Bên mua BDS mà trong hợp đồng chuyển nhượng BDS có thoả thuận bên mua là người nộp thuế thay cho bên bán (trừ trường hợp được miễn thuế, không phải nộp thuế hoặc tạm thời chưa phải nộp thuế); bên thứ 3 có liên quan được phép bán tài sản của CN theo quy định của pháp luật thì bên mua, bên thứ 3 có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân theo quy định.
- NNT phải nộp HS khai thuế cho CQ thuế nơi chuyển đi trong trường hợp đến thời hạn nộp HS sơ KT nhưng chưa hoàn thành thủ tục thay đổi địa chỉ trụ sở với CQ thuế nơi chuyển đến.

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- Về khai thuế theo tháng, quý
- NNT tự xác định thuộc đối tượng khai thuế theo quý để thực hiện khai thuế theo quy định. Cụ thể:
 - NNT đáp ứng tiêu chí khai thuế theo quý được lựa chọn khai thuế theo tháng hoặc quý ổn định trong năm dương lịch.
 - Đối với trường hợp người nộp thuế đang thực hiện khai thuế theo tháng nếu đủ điều kiện khai thuế theo quý và lựa chọn chuyển sang khai thuế theo quý thì gửi văn bản đề nghị thay đổi kỳ tính thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 31 tháng 1 của năm bắt đầu khai thuế theo quý. Nếu sau thời hạn này người nộp thuế không gửi văn bản đến cơ quan thuế thì người nộp thuế tiếp tục thực hiện khai thuế theo tháng ổn định trong năm dương lịch.

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- Trường hợp NNT tự phát hiện không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì người nộp thuế phải thực hiện khai thuế theo tháng kể từ tháng đầu của quý tiếp theo. NNT không phải nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng của các quý trước đó nhưng phải nộp Bản xác định số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý và phải tính tiền chậm nộp theo quy định.
- Trường hợp cơ quan thuế phát hiện người nộp thuế không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì cơ quan thuế phải xác định lại số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số người nộp thuế đã kê khai và phải tính tiền chậm nộp theo quy định. Người nộp thuế phải thực hiện khai thuế theo tháng kể từ thời điểm nhận được văn bản của cơ quan thuế.

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- **Các trường hợp khai theo quý, tạm nộp theo quý.**
- NNT thuộc diện khai thuế GTGT theo tháng nếu có tổng DT bán HH và cung cấp DV của năm trước liền kề từ 50 tỷ trở xuống thì được khai thuế GTGT theo quý.
- Trường hợp NNT mới bắt đầu HĐSXKD thì được lựa chọn khai thuế GTGT theo quý. Sau khi sản xuất kinh doanh đủ 12 tháng thì từ năm dương lịch liền kề tiếp theo năm đã đủ 12 tháng sẽ căn cứ theo mức doanh thu của năm dương lịch trước liền kề (đủ 12 tháng) để thực hiện khai thuế GTGT theo kỳ tính thuế tháng hoặc quý.
- NNT thuộc diện khai thuế TNCN theo tháng nếu đủ ĐK khai GTGT theo quý thì được lựa chọn khai thuế TNCN theo quý. Việc khai thuế theo quý được xác định một lần kề từ quý đầu tiên phát sinh nghĩa vụ khai thuế và được áp dụng ổn định trong cả năm dương lịch.

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- NNT thuộc diện lập báo cáo TC quý theo quy định, căn cứ vào báo cáo TC quý và các quy định của pháp luật về thuế để xác định số thuế TNDN tạm nộp quý.
- NNT không thuộc diện lập BCTC quý theo quy định của PL, căn cứ vào kết quả SXKD quý và các quy định của PL về thuế để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp quý.
- Tổng số thuế TNDN đã tạm nộp của 03 quý đầu năm tính thuế không được thấp hơn 75% số thuế TNDN phải nộp theo QT năm. Trường hợp nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 03 quý đầu năm thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ ngày tiếp sau ngày cuối cùng của thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 03 đến ngày nộp số thuế còn thiếu NSNN.

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- TC-CN trả thu nhập từ TLTC có trách nhiệm khai QT thuế và QT thay cho các CN có ủy quyền do TC-CN trả thu TN chi trả, không phân biệt có phát sinh KT thuế hay không phát sinh KT thuế. Trường hợp không phát sinh trả TN thì không phải khai QTTNCN. CN được điều chuyển từ TC cũ đến TC mới do TC cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình DN hoặc tổ chức cũ và TC mới trong cùng một hệ thống thì TC mới có trách nhiệm QT thuế đối với cả phần TN do TC cũ chi trả

theo ủy quyền của cá nhân đối với cả phần thu nhập do tổ chức cũ chi trả và thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động (nếu có).

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- **Nhiệm vụ của các NHTM trong việc thực hiện thu nộp thuế**
- NHTM có trách nhiệm cung cấp các thông tin về TK thanh toán của NNT mở tại ngân hàng cho cơ quan quản lý thuế như sau:
 - a) Theo đề nghị của CQQL thuế, NHTM cung cấp thông tin TK thanh toán của từng NNT: tên chủ TK, số hiệu TK theo MST đã được CQ thuế cấp, ngày mở, ngày đóng TK.
 - b) Việc cung cấp thông tin về TK được thực hiện lần đầu trong thời gian 90 ngày kể từ ngày NĐ 126 có hiệu lực TH. Việc cập nhật TT về TK được thực hiện hàng tháng trong 10 ngày của tháng kế tiếp dưới hình thức điện tử.
 - c) NHTM cung cấp thông tin, số liệu giao dịch, số dư TK, theo đề nghị của Thủ trưởng CQQL thuế để phục vụ cho mục đích thanh tra, kiểm tra xác định nghĩa vụ thuế phải nộp
 - d) CQQL thuế có trách nhiệm bảo mật thông tin và hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự an toàn của thông tin theo quy định của Luật QL thuế và quy định của pháp luật có liên quan.

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- 3. NHTTM Khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp ở NN không cóCSTT tại VNcó hoạt động KDTMĐT,KD dựa trên nền tảng số với TC-CN ở Việt Nam như sau:
 - a) Nhà cung cấp ở NN chưa thực hiện ĐK, KK, nộp thuế thì NHTM, tổ chức cung ứng DV trung gian thanh toán thực hiện KT, nộp thay nghĩa vụ thuế theo quy định của PL thuế đối với từng sản phẩm HHDV mà người mua là CN ở VN thanh toán cho nhà cung cấp ở nước ngoài

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- b) Tổng cục Thuế phối hợp với cơ quan có liên quan xác định, công bố tên, địa chỉ website của nhà cung cấp ở NN chưa thực hiện ĐK, KK, nộp thuế mà người mua có giao dịch. => Tổng cục Thuế thông báo tên, địa chỉ website của nhà cung cấp ở NN cho NHTM, tổ chức cung ứng DV trung gian thanh toán để các đơn vị này xác định tài khoản giao dịch của nhà cung cấp ở nước ngoài và thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế
- c) Trường hợp CN có mua HHDV của nhà cung cấp NN có TT bằng thẻ hoặc các hình thức khác mà NHTM, TC cung ứng DV trung gian TT không thể thực hiện KT , nộp thay thì có trách nhiệm theo dõi số tiền chuyển cho các nhà cung cấp ở nước ngoài và định kỳ hàng tháng gửi về TCT

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- **Việc áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về PP xác định giá tính thuế đối với DN có giao dịch liên kết-APA-**
- 1. NNT là đối tượng nộp thuế TNDN theo PPKK trong quá trình HĐSXKD có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết được quyền đề nghị áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế - APA-
- 2. Việc áp dụng APA phải đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 6 Điều 42 Luật Quản lý thuế.
- 3. NNT có yêu cầu áp dụng APA nộp đơn đề nghị áp dụng APA chính thức theo Mẫu số 02/APA-CT tại Phụ lục III cùng 01 bộ Hồ sơ đề nghị áp dụng APA chính thức đến Tổng cục Thuế.
- NNT có thể tham vấn ý kiến của TCT trước khi nộp HS đề nghị áp dụng APA chính thức bằng cách gửi đơn đề nghị tham vấn.

NĐ 126/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật QLT

- **Hiệu lực thi hành**
- 1. NĐ này có hiệu lực thi hành từ ngày 05.12.2020.
- **Quy định chuyển tiếp**
- 1. Đối với các khoản thuế được miễn, giảm, không thu, xóa nợ phát sinh trước ngày 01.7.2020 thì tiếp tục xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 21/2012/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và Luật số 106/2016/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- 2. Đối với các khoản tiền thuế nợ đến hết ngày 30.6.2020 thì được xử lý theo quy định của Luật QL thuế số 38/2019/QH14 và tại NĐ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.
- 3. Các trường hợp được CP cho phép gia hạn thời gian nộp thuế thì tiếp tục thực hiện theo quy định của CP.



Q & A

XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!